TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ TH
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5

CỘNG Ê XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **46**/2026/HS-ST
Ngày: 13/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG Ê XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – Đ TH

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Cường

Ông Nguyễn Văn Ê

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đ TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đ TH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đ TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2026/TLST- HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Lương Quốc T (tên gọi khác T Đ), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại tỉnh Đ TH. Số căn cước công dân: 082083004590; Nơi cư trú: số 295, tổ 21, ấp 3, xã C B, tỉnh Đ TH; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới Tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn X, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1956; anh chị em có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ Đặng Thị Mỹ V, sinh năm 1955; con có 01 người con sinh năm 2004; G án: không, G sự: 01, ngày 11/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện C B, tỉnh G G ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong vào ngày 22/8/2025; bị cáo bị tạm giữ ngày 03/01/2026, chuyển qua tạm giam ngày 06/01/2026 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Dương Trọng Q, sinh ngày 13/4/1997 (vắng mặt);
Địa chỉ: số 537, đường 30/4, khu phố 3B, phường C, tỉnh Đ TH.

2. Trần Phú L, sinh ngày 13/12/1994 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đ TH.

3. Bùi Thị B, sinh ngày 17/01/1998 (có mặt);
Địa chỉ: ấp 9A, xã M, tỉnh Đ TH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:
1. Huỳnh Văn C, sinh năm 1999 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp X S, xã H, tỉnh Đ TH.

2. Nguyễn Thị E, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 5, xã B, tỉnh Đ TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Quốc T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/12/2025 đến ngày 01/01/2026, để có G tiêu xài T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Hội Cư, tỉnh Đ TH, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 17 giờ ngày 12/12/2025, T đi bộ trên Quốc lộ 1, đoạn từ khu vực chùa Pháp Lạc hướng về cầu An Cư, nhằm mục đích tìm tải sản để trộm cắp. Khi đến khu vực cầu An Cư, T nhìn thấy xe mô tô biển số 63P1-271.22 của anh Nguyễn Dương Trọng Q, sinh năm 1997, nơi cư trú: Số 537, đường 30 tháng 4, khu phố 3B, phường Cai Lậy, tỉnh Đ TH, đang đỗ ở khu vực bãi đỗ xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn C B thuộc ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đ TH, chìa khóa còn cắm trên xe, anh Q đang sửa xe ô tô gần đó. Quan sát không có người trông coi, T đi đến, khởi động và điều khiển xe mô tô biển số 63P1-271.22 về hướng Trung Lương. Sau khi phát hiện bị mất xe, anh Q đã truy hô và cùng một người tên Q (không rõ họ tên, địa chỉ) sử dụng xe mô tô truy đuổi theo T. Khi đến đoạn đường phía trước cây xăng Nam Mỹ, thuộc ấp 5, xã Bình Phú, tỉnh Đ TH, Q đã điều khiển xe ép T vào dãi phân cách, bị ép dừng xe, T bỏ lại xe mô tô, leo qua dãi phân cách rồi chạy bộ tẩu thoát theo hướng Trung Lương. Anh Q tiếp tục truy đuổi một đoạn nhưng không bắt được T nên quay lại và đến Công an xã Hội Cư trình báo vụ việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐTS ngày 26/01/2026 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND xã Hội Cư, kết luận: Xe mô tô biển số 63P1-271.22 hiệu Honda, loại Future FI, màu xanh bạc trị giá 19.250.000 Đ.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 63P1-271.22 hiệu Honda, loại Future F1, màu xanh bạc do anh Nguyễn Dương Trọng Q đứng tên chủ sở hữu. Do anh Q đã lấy lại được xe mô tô nên Cơ quan điều tra chỉ tiến hành làm việc với anh Q để thu thập tài liệu có L quan và không thu giữ xe mô tô nói trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Dương Trọng Q đã lấy lại được tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 14/12/2025, T đi bộ trên Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba An Cư hướng về Trung Lương với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực trước Văn phòng Công chứng Mỹ Thuận, thuộc ấp A, xã H, tỉnh Đ TH, T phát hiện 01 xe mô tô biển số 63B9-359.35, loại xe Wave màu đỏ, đen, xám của anh Trần Phú L, sinh năm 1994, nơi cư trú: Ấp M, xã H, tỉnh Đ TH, là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH Thuận Phong, đang đỗ phía trước Văn

phòng công chứng, không có người trông coi, chìa khóa còn cắm sẵn trên xe nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Sau đó, T đi đến dẫn xe ra ngoài Quốc lộ 1, khởi động và điều khiển xe theo hướng tỉnh Vĩnh C nhằm mục đích đem bán lấy G tiêu xài cá nhân. Trong quá trình di chuyển, T đã tháo và ném bỏ thùng hàng gần phía sau xe xuống kênh (không xác định được vị trí cụ thể). Khi đến địa phận tỉnh Vĩnh C, do không bán được xe, T quay trở lại tỉnh Đ TH và bán xe mô tô biển số 63B9-359.35 cho chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1983, nơi cư trú: Ấp 5, xã B, tỉnh Đ TH, làm nghề thu mua phế liệu, với giá 700.000 Đ, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐTS ngày 26/01/2026 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND xã Hội Cư, kết luận: Xe mô tô biển số 63B9-359.35 loại Wave màu đỏ đen xám trị giá 2.200.000 Đ.

Vật chứng tạm giữ, gồm:

- 01 xe mô tô biển số 63B9 - 359.35 loại xe Wave màu đỏ đen do chị Nguyễn Thị E tự nguyện giao nộp.

Về xử lý vật chứng: Kết quả điều tra làm rõ xe mô tô biển số 63B9-359.35 do anh Nguyễn Huỳnh Tấn Ê, sinh năm 1982, nơi cư trú: Số 46/18 Lê Thị Hồng Gấm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đ TH đứng tên sở hữu, anh Ê trình bày đã tặng cho lại xe mô tô này cho anh L quản lý, sử dụng. Ngày 11/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ TH đã trao trả xe mô tô cho anh Trần Phú L.

- Đối với 01 thùng hàng gắn sau yên xe mô tô bị trộm cắp, T đã ném bỏ xuống sông không rõ địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, bị hại anh L trình bày thùng hàng đã cũ không còn giá trị nên không yêu cầu định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Phú L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/01/2026, T đi bộ trên Tỉnh lộ 869, đoạn từ ngã ba An Cư hướng về cầu Ông Ngũ, thuộc ấp An Bình, xã Hội Cư, tỉnh Đ TH, với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi được khoảng 20 mét, T phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 63X1-2932, nhãn hiệu Future Neo, màu đỏ đen của chị Bùi Thị B, sinh năm 1998, nơi cư trú: Ấp 9A, xã Mỹ Thành, tỉnh Đ TH, là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH Thuận Phong, đang đậu Bn lề đường, chìa khóa còn cắm trên xe. T quan sát không có người trông coi nên đã trộm cắp xe mô tô nêu trên cùng với 45 gói hàng hóa để trong thùng phía sau xe, có tổng trị giá 5.784.000 Đ, rồi điều khiển xe bỏ đi theo hướng cầu Kênh Xáng, thuộc ấp X Sắc, xã Hiệp Đức. tỉnh Đ TH, nhằm mục đích tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được. Khi đến khu vực gần cầu Kênh Xáng, T kiểm tra số hàng hóa thì nhận thấy khó tiêu thụ nên đã ném bỏ toàn bộ thùng hàng chứa 45 gói hàng xuống sông Kênh Xáng, làm mất toàn bộ số hàng hóa nêu trên. Sau đó, T đã bán chiếc xe mô tô cho một người đi đường tên anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp X Sắc, xã Hiệp Đức, tỉnh Đ TH, với giá 1.000.000 Đ, sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐTS ngày 03/01/2026 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND xã H, kết luận: Xe mô tô biển số 63X1-2932 hiệu Jumati loại Future Neo màu đỏ đen trị giá 1.150.000 Đ; dàn áo

xe mô tô loại Future Neo màu đỏ đen do Nhật sản xuất trị giá 1.700.000 Đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.850.000 Đ.

Vật chứng tạm giữ, gồm:

- 01 xe mô tô biển số 63X1-2932 hiệu Jumati loại Future Neo màu đỏ đen do anh Huỳnh Văn C tự nguyện giao nộp.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 63X1-2932 do chị Lê Kim Thủy, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp 9A, xã M, tỉnh Đ TH đứng tên chủ sở hữu, vào năm 2020 chị Thủy đã tặng cho Bùi Thị B quản lý, sử dụng. Ngày 11/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ TH đã trao trả xe mô tô cho chị Bùi Thị B.

- Đối với 01 thùng hàng Bn trong có 45 gói hàng gắn sau yên xe mô tô bị trộm cắp, T đã ném bỏ xuống Kênh Xáng, Cơ quan điều tra đã tổ chức tìm nhưng không thu hồi được, bị hại chị B trình bày thủng hàng đã cũ không còn giá trị nên không yêu cầu định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Bị hại chị Bùi Thị B không yêu cầu bị cáo T bồi thường số G 5.784.000 Đ là giá trị 45 đơn hàng để phía sau xe mô tô bị trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSDTP-KV ngày 22 tháng 4 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đ TH truy tố Lương Quốc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đ TH đã phân tích, đánh giá Tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội Đ xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo bị cáo Lương Quốc T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội Đ xét xử không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt bị hại Nguyễn Dương Trọng Q, Trần Phú L và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị E. Xét thấy, trong hồ sơ đã

có lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan và việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội Đ xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ TH; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đ TH; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lương Quốc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/12/2025 đến ngày 01/01/2026, trên địa bàn xã H, tỉnh Đ TH, Lương Quốc T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Trộm cắp xe mô tô biển số 65B9-359.35 của Trần Phú L trị giá 2.200.000 Đ; xe mô tô biển số 63P1-271.22 của anh Nguyễn Dương Trọng Q trị giá 19.250.000 Đ; xe mô tô 63X1-2932 trị giá 2.850.000 Đ và tài sản trên xe 5.784.000 Đ của chị Bùi Thị B, tổng cộng 8.634.000 Đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 30.084.000 Đ.

[4] Xét lời thừa nhận tội của bị cáo T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai người bị hại và phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Quốc T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đ TH giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[5] Về Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo vô cùng táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để trộm cắp tài sản. Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm, thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về nhân thân của bị cáo: bị cáo không có G án, có 01 G sự, cụ thể như sau:

[6.1] Ngày 15/12/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh G G xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/6/2007, chấp hành xong án phí vào ngày 25/6/2006.

[6.2] Ngày 14/12/2011, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, đã

chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/01/2014, chấp hành xong án phí vào ngày 15/10/2012.

[6.3] Ngày 25/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C B, tỉnh G G xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/11/2016, chấp hành xong án phí vào ngày 07/8/2015.

[6.4] Ngày 11/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện C B, tỉnh G G ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong vào ngày 22/8/2025.

[6.5] Do đó, bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Hội Đ xét xử nhận thấy: cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[10] Đối với, Huỳnh Văn C và Nguyễn Thị E khi mua xe mô tô do bị cáo T bán không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với, việc bị cáo T là đối tượng quản lý sau cai nghiện, tuy nhiên sau khi bắt giữ tiến hành thu giữ, giám định nước tiểu của T cho kết quả âm Tính với ma túy nên không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với T về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy " quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

[12.1] Đối với bị hại Nguyễn Dương Trọng Q, Trần Phú L đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Nên Hội Đ xét xử không xem xét giải quyết.

[12.2] Đối với bị hại Bùi Thị B tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường số G 5.784.000 Đ. Nên Hội Đ xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVTÍNH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đ TH là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội Đ xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Quốc T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Quốc T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù Tính từ ngày 03/01/2026.

2. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVTÍNH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lương Quốc T phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại Bùi Thị B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Dương Trọng Q, Trần Phú L và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Huỳnh Văn C, Nguyễn Thị E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ TH;
- VKSND tỉnh Đ TH;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ TH;
- VKSND khu vực 5 – Đ TH;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Đ TH;
- THADS tỉnh Đ TH;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa